

DANH SÁCH LỚP 12A1 NĂM HỌC 2023-2024

LỚP KHTN - Khối A

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Ng.ngữ	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
1	Nguyễn Phan Huy Hoàng	11A1	15/11/2006	9.8	9.5	9.1	9.4	7.8	8.6	9.3	Giỏi	Tốt	
2	Hà Thị Như Quỳnh	11A1	28/08/2006	9.6	9.1	8.7	8.3	7.3	7.1	8.5	Giỏi	Tốt	
3	Lý Đức Duy	11A1	20/10/2006	9.5	9.2	8.6	9.3	8.5	8.9	9.3	Giỏi	Tốt	
4	Lê Trường Hận	11A1	11/08/2006	9.2	8.6	8.9	8.7	7.7	8.3	9.0	Giỏi	Tốt	
5	Lê Thị Hoài Phương	11A1	03/03/2006	8.6	9.0	8.8	9.0	8.8	8.5	9.0	Giỏi	Tốt	
6	Nguyễn Minh Nhật	11A1	17/10/2006	8.7	9.2	8.0	7.9	7.3	7.8	8.2	Giỏi	Tốt	
7	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11A1	27/09/2006	8.6	8.7	7.8	9.5	8.2	8.1	8.8	Giỏi	Tốt	
8	Đinh Phan Hoài Cẩm	11A1	28/05/2006	9.2	7.6	8.2	8.4	7.6	6.7	8.4	Giỏi	Tốt	
9	Nguyễn Gia Bảo	11A1	05/03/2006	7.8	8.3	8.4	8.2	5.5	6.2	8.0	Khá	Tốt	
10	Nguyễn Mai Ngọc Châu	11A4	08/06/2006	7.6	8.5	8.4	8.4	8.1	7.3	8.2	Giỏi	Tốt	
11	Nguyễn Thị Ngọc Như	11A1	25/06/2006	8.2	7.8	8.1	8.4	7.7	6.1	8.4	Khá	Tốt	
12	Lương Trần Kim Hương	11A1	21/08/2006	9.0	7.7	7.3	8.5	7.6	8.1	8.6	Giỏi	Tốt	
13	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	11A1	15/11/2006	8.1	7.1	8.6	8.4	7.0	6.5	8.3	Giỏi	Tốt	
14	Võ Thị Ngọc Hân	11A1	06/11/2006	8.7	7.5	7.5	9.1	7.6	7.7	8.6	Giỏi	Tốt	
15	Hoàng Phúc Lâm	11A1	08/02/2006	8.5	8.4	6.6	7.2	5.6	6.7	7.9	Khá	Tốt	
16	Dư Ngọc Thảo Nhi	11A1	02/08/2006	8.0	8.4	7.0	8.7	8.3	8.3	8.7	Giỏi	Tốt	
17	Phạm Thanh Thịnh	11A1	03/05/2006	9.1	7.0	7.0	9.3	7.8	6.8	8.6	Giỏi	Tốt	
18	Phạm Quốc Toàn	11A1	10/04/2006	8.9	7.3	6.8	8.0	6.7	6.4	8.0	Khá	Tốt	
19	Trần Đức Nhật	11A2	02/10/2006	8.2	7.6	7.2	8.1	7.8	7.0	8.3	Giỏi	Tốt	
20	Vi Nguyễn Thu Huyền	11A1	03/04/2006	8.7	7.4	6.8	8.5	6.9	7.8	8.3	Giỏi	Tốt	
21	Đỗ Thị Yến Nhi	11A1	07/03/2006	7.7	7.5	7.7	8.4	8.8	7.1	8.4	Giỏi	Tốt	
22	Trần Thị Kiều Anh	11A1	01/01/2006	8.9	6.8	7.0	8.7	7.5	7.2	8.4	Giỏi	Tốt	
23	Huỳnh Thị Trúc Linh	11A1	13/06/2006	7.7	6.6	7.8	8.2	6.4	7.5	8.1	Khá	Tốt	
24	Nguyễn Đỗ Phúc Thuận	11A1	28/04/2006	8.0	7.2	6.9	8.6	7.1	6.9	8.2	Giỏi	Tốt	
25	Lê Thị Minh Thư	11A1	10/07/2006	7.7	7.7	6.6	8.5	7.4	6.4	8.2	Khá	Tốt	
26	Phạm Thị Bích Trâm	11A1	22/01/2006	7.6	6.1	8.0	8.1	5.9	5.9	7.8	Khá	Tốt	
27	Nguyễn Thị Cẩm Thu	11A1	29/10/2005	7.6	7.0	6.5	8.3	7.0	7.1	8.0	Khá	Tốt	
28	Hoàng Văn Minh	11A2	04/05/2006	6.7	7.4	7.0	8.0	7.4	7.8	8.1	Khá	Tốt	
29	Phan Linh Như	11A1	16/09/2006	7.3	6.7	7.0	6.5	7.3	7.1	8.0	Khá	<u>TB</u>	
30	Lê Thảo Nguyên	11A1	24/04/2006	7.0	5.8	8.0	7.6	7.5	5.7	7.6	Khá	Tốt	
31	Dương Bảo Trân	11A1	12/07/2006	7.0	6.8	6.7	8.2	6.3	6.9	7.7	Khá	Tốt	

Lộc Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hồng Phước

DANH SÁCH LỚP 12A2 NĂM HỌC 2023-2024
LỚP KHTN - Khối A1

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Ng.ngữ	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
1	Hoàng Nguyễn Thanh Trang	11A3	28/08/2006	9.5	9.3	8.5	9.3	8.0	9.4	9.3	Giỏi	Tốt	
2	Nguyễn Thị Hoà Bình	11A3	23/08/2006	9.1	9.1	9.4	9.2	8.2	9.2	9.2	Giỏi	Tốt	
3	Trần Thị Như Ý	11A3	18/07/2006	9.5	8.6	8.2	9.2	7.9	9.2	9.0	Giỏi	Tốt	
4	Nguyễn Thị Tường Vy	11A3	18/04/2006	9.6	9.0	9.3	9.3	7.3	8.6	9.0	Giỏi	Tốt	
5	Trần Tấn Tài	11A3	30/06/2006	9.9	9.0	8.2	9.2	7.9	8.0	9.1	Giỏi	Tốt	
6	Đoàn Thị Mỹ Dung	11A3	01/10/2006	9.2	8.9	8.1	9.0	7.5	8.5	8.7	Giỏi	Tốt	
7	Nguyễn Kim Linh	11A3	30/08/2006	9.7	8.0	8.2	8.3	7.3	8.9	8.8	Giỏi	Tốt	
8	Trần Trà My	11A3	28/02/2006	9.2	8.2	7.8	8.1	7.8	8.4	8.6	Giỏi	Tốt	
9	Văn Phạm Hoài Nam	11A3	04/01/2006	8.8	8.6	8.1	8.6	8.2	8.4	8.7	Giỏi	Tốt	
10	Đào Trọng Tấn	11A3	08/12/2006	9.4	7.2	7.1	8.0	7.2	8.6	8.3	Giỏi	Tốt	
11	Thạch Kim Vân	11A4	09/08/2006	8.1	8.1	7.0	7.8	6.7	8.9	8.1	Giỏi	Tốt	
12	Đỗ Bằng Châu	11A3	16/05/2006	8.2	8.1	7.8	9.0	8.0	8.8	8.6	Giỏi	Tốt	
13	Nguyễn Quang Huy	11A3	13/06/2006	8.2	8.5	8.1	8.4	6.8	8.3	8.2	Giỏi	Tốt	
14	Nguyễn Huỳnh Gia Lộc	11A3	22/04/2006	9.0	7.0	7.0	7.9	6.6	9.0	8.2	Giỏi	Tốt	
15	Vũ Thị Minh Hạnh	11A4	06/02/2006	8.0	8.0	7.1	8.2	7.4	8.9	8.4	Giỏi	Tốt	
16	Võ Thị Thanh Huyền	11A3	14/05/2006	8.0	8.1	7.0	8.7	7.5	8.7	8.5	Giỏi	Tốt	
17	Huỳnh Thị Kim Tuyến	11A3	15/01/2006	7.9	8.1	7.4	8.6	7.5	8.8	8.6	Giỏi	Tốt	
18	Thiều Hữu Quốc Tuấn	11A4	22/12/2006	8.0	8.1	7.0	8.1	8.0	8.7	8.4	Giỏi	Tốt	
19	Lê Nguyễn Đình Phong	11A4	02/12/2006	9.1	7.5	7.6	7.4	6.9	7.8	8.0	Giỏi	Tốt	
20	Vũ Thị Thuý Duy	11A3	23/03/2006	7.7	8.1	7.9	9.2	8.0	8.5	8.7	Giỏi	Tốt	
21	Nguyễn Trần Hồng Hạnh	11A3	23/11/2006	7.4	8.0	6.6	8.4	7.3	8.9	8.2	Giỏi	Tốt	
22	Nguyễn Trung Hào	11A3	02/02/2006	7.9	7.7	7.6	8.8	6.7	8.6	8.5	Giỏi	Tốt	
23	Võ Tấn Tài	11A3	06/02/2006	7.6	8.1	6.7	8.6	7.3	8.4	8.4	Giỏi	Tốt	
24	Nguyễn Lan Hương	11A4	04/12/2006	8.1	7.8	7.0	8.4	7.4	8.1	8.3	Giỏi	Tốt	
25	Nguyễn Thị Xuân Mai	11A4	05/01/2006	8.6	7.4	6.8	7.8	8.6	7.9	8.2	Giỏi	Tốt	
26	Võ Thị Hoàng Lan	11A3	03/03/2006	7.8	7.2	7.0	8.8	7.7	8.6	8.4	Giỏi	Tốt	
27	Đặng Thanh Thanh	11A3	23/02/2006	7.1	7.5	6.9	8.4	7.3	9.0	8.3	Giỏi	Tốt	

Lộc Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Hồng Phước

DANH SÁCH LỚP 12A3 NĂM HỌC 2023-2024
LỚP KHTN - Khối A1

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Ng.ngữ	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	Ghi chú
1	Hà Thu Ngân	11A3	18/01/2006	7.6	7.4	7.0	8.9	7.4	8.5	8.3	Giỏi	Tốt	
2	Trần Thị Mỹ Dung	11A4	26/06/2006	6.8	7.8	7.2	8.8	8.5	8.7	8.5	Giỏi	Tốt	
3	Phạm Duy Hào	11A3	06/04/2006	6.9	7.0	7.3	8.5	7.5	9.2	8.2	Giỏi	Tốt	
4	Lê Thắng	11A3	19/11/2006	8.2	7.2	6.6	8.7	7.0	7.6	8.2	Giỏi	Tốt	
5	Võ Phạm Phương Anh	11A4	14/08/2006	6.9	7.7	6.9	8.0	7.9	8.3	7.9	Khá	Tốt	
6	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11A4	17/05/2006	7.4	7.4	7.1	8.1	7.8	8.0	8.2	Giỏi	Tốt	
7	Lê Thị Như Quân	11A4	27/01/2006	8.1	6.3	6.7	8.1	8.1	8.4	8.1	Khá	Tốt	
8	Từ Minh Thuận	11A4	07/10/2006	7.3	7.3	7.9	8.6	6.1	7.9	7.8	Khá	Tốt	
9	Huỳnh Châu	11A4	08/11/2006	6.7	6.8	6.5	7.6	7.4	8.6	7.8	Khá	Tốt	
10	Nguyễn Văn Thanh	11A4	04/03/2006	7.4	7.1	5.7	7.8	6.0	7.4	7.6	Khá	Tốt	
11	Phan Vũ Tường Vy	11A4	10/10/2006	6.5	6.9	6.5	8.2	7.4	8.3	8.0	Giỏi	Tốt	
12	Triệu Thị Minh Ánh	11A4	30/05/2006	7.0	7.0	6.7	7.8	7.7	7.6	7.8	Khá	Tốt	
13	Tô Thị Hoàng Linh	11A4	27/06/2006	6.7	6.9	6.5	8.5	7.7	8.0	8.1	Giỏi	Tốt	
14	Nguyễn Minh Nhật	11A4	03/11/2006	6.8	6.7	6.0	7.9	6.4	7.6	7.6	Khá	Tốt	
15	Phan Thị Minh Thư	11A4	11/10/2006	6.8	7.0	6.8	7.3	6.5	7.1	7.2	Khá	Tốt	
16	Trương Hữu Hoàng	11A4	21/05/2006	6.0	6.7	7.4	8.2	7.2	7.8	7.9	Khá	Tốt	
17	Lê Thái Lý	11A4	27/06/2006	5.8	6.2	6.0	7.8	6.4	8.3	7.2	Khá	Tốt	
18	Võ Duy Mạnh	11A4	01/06/2006	7.0	6.3	6.1	7.1	7.0	6.2	7.4	Khá	Tốt	
19	Nguyễn Công Hiếu	11A5	11/06/2006	6.6	7.4	6.0	7.2	7.3	6.0	7.3	Khá	Tốt	Xin qua KHTN
20	Nguyễn Duy Tâm	11A3	17/10/2006	5.6	6.0	6.0	7.5	5.7	7.7	7.3	Khá	TB	
21	Nguyễn Thị Lan Anh	11A1	16/10/2006	6.3	7.2	6.1	7.3	6.2	6.9	7.4	Khá	Tốt	
22	Huỳnh Lý Yến Nhi	11A1	30/08/2006	6.5	6.5	6.6	8.7	7.2	6.8	7.8	Khá	Tốt	
23	Hoàng Minh Nhân	11A2	15/10/2006	6.7	5.8	6.4	7.4	7.2	6.7	7.0	Khá	Tốt	
24	Nguyễn Thị Lan Anh	11A1	17/01/2006	6.5	6.1	5.5	7.4	6.7	6.2	7.4	Khá	Tốt	
25	Nguyễn Văn Thịnh	11A2	20/07/2006	5.4	6.0	6.3	7.1	6.3	7.2	7.2	Khá	Tốt	
26	Nguyễn Thanh Hùng	11A2	19/10/2006	5.5	5.3	6.1	7.4	6.8	6.4	7.1	Khá	Khá	
27	Lê Thị Thanh Thanh	11A2	01/08/2006	5.2	5.3	5.9	7.4	6.7	5.5	7.2	Khá	Khá	

Lộc Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG


Trần Hồng Phước

DANH SÁCH LỚP 12A4 NĂM HỌC 2023-2024
LỚP KHXH - Khối C

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	T+V+A+S+D+GD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	11A4	16/06/2006	6.9	8.2	9.3	9.1	7.7	9.2	8.4	Giỏi	Tốt	50.4	Xin KHXH (C)
2	Thị Mâu	11A5	22/03/2006	6.4	8.6	9.8	8.4	7.7	8.9	8.1	Khá	Tốt	49.8	
3	Nguyễn Đức Gia Hào	11A3	02/03/2006	5.8	8.4	9.5	8.3	8.0	9.1	8.2	Khá	Tốt	49.1	Xin qua C (A5)
4	Trần Thị Mỹ Trân	11A4	30/05/2006	6.9	8.1	9.0	8.0	7.4	8.9	8.1	Giỏi	Tốt	48.3	Xin qua Khối C
5	Tô Văn Tính	11A5	12/09/2006	6.8	7.1	8.9	7.7	7.8	7.9	7.4	Khá	Tốt	46.2	
6	Mai Ngọc Ánh	11A5	21/04/2006	6.3	7.6	8.9	7.6	7.5	8.1	7.6	Khá	Tốt	46	
7	Lê Thụy Ca Thương	11A5	27/04/2006	6.4	8.0	8.8	7.5	6.9	8.2	7.3	Khá	Tốt	45.8	
8	Phùng Văn Quyết	11A5	09/06/2006	6.8	6.5	9.0	7.7	7.7	7.9	7.3	Khá	Tốt	45.6	
9	Lê Thị Thúy An	11A5	21/08/2006	6.3	8.3	9.3	7.2	6.2	8.2	7.5	Khá	Tốt	45.5	
10	Hà Hải Anh	11A5	02/08/2006	6.3	7.4	8.6	7.6	7.5	8.1	7.2	TB	Tốt	45.5	
11	Võ Thị Kim Thúy	11A5	03/06/2006	5.9	7.9	9.1	7.5	6.6	8.5	7.4	Khá	Tốt	45.5	
12	Trần Thị Thúy Linh	11A6	02/06/2006	7.1	7.1	8.6	7.5	6.9	8.3	7.2	Khá	Tốt	45.5	Xin sang C (A5)
13	Nguyễn Anh Tuấn	11A5	12/12/2006	5.3	8.3	8.9	7.9	6.5	8.4	7.3	Khá	Tốt	45.3	
14	Nguyễn Tuấn Trọng	11A5	03/02/2006	6.9	6.7	8.6	8.7	6.2	8.0	7.4	Khá	Tốt	45.1	
15	Phan Vũ Thanh Nguyên	11A5	22/06/2006	5.3	7.7	8.6	8.2	6.1	9.0	7.5	Khá	Tốt	44.9	
16	Lê Thanh Hiền	11A5	22/01/2006	5.4	8.3	8.5	8.1	6.2	8.3	7.2	Khá	Tốt	44.8	
17	Nguyễn Hữu Luận	11A2	25/06/2006	7.9	6.7	8.2	7.2	6.2	8.1	7.6	Khá	Tốt	44.3	Xin qua C (A5)
18	Phan Thiện Ân	11A2	05/09/2006	7.6	6.3	8.3	7.9	5.9	8.3	7.6	Khá	Tốt	44.3	Xin qua C (A5)
19	Phạm Lý Như Quỳnh	11A5	13/05/2006	6.0	7.7	7.7	7.5	8.2	7.0	7.4	Khá	Tốt	44.1	
20	Nguyễn Thị Yến Nhi	11A6	31/08/2006	7.5	6.7	8.6	6.8	5.7	7.9	7.0	TB	Tốt	43.2	Xin sang C (A5)
21	Đặng Thị Khánh Linh	11A5	18/02/2006	5.5	7.3	8.5	6.6	6.6	8.4	7.0	Khá	Tốt	42.9	
22	Nguyễn Hoàng Tinh	11A5	14/10/2006	5.2	6.3	8.9	7.2	7.2	7.4	6.9	Khá	Tốt	42.2	
23	Hoàng Thị Yến Vi	11A5	21/01/2006	4.6	7.6	8.0	7.4	6.6	8.0	7.0	TB	Tốt	42.2	
24	Nguyễn Ngọc Cẩm Tiên	11A5	18/11/2006	5.2	7.2	8.5	6.9	5.8	8.2	6.8	Khá	Tốt	41.8	
25	Vi Thanh Hiếu	11A2	13/08/2006	6.8	5.9	7.7	7.8	5.6	7.7	7.1	Khá	Tốt	41.5	Xin qua C (A5)
26	Lê Quốc Đăng Khoa	11A5	08/07/2006	5.9	7.0	8.0	7.0	6.1	7.1	6.6	Khá	Khá	41.1	
27	Nguyễn Gia Phương	11A5	01/01/2006	4.8	7.7	7.8	7.1	6.3	7.4	6.9	TB	Tốt	41.1	
28	Đoàn Lê Thị Trà Mi	11A5	04/02/2006	4.6	7.7	8.2	5.9	4.8	7.8	6.7	TB	Tốt	39	
29	Nguyễn Thị Hồng Diệp	11A5	20/12/2006	4.0	7.6	7.8	6.8	5.1	7.3	6.3	TB	Tốt	38.6	
30	Trương Quốc Thịnh	11A5	01/05/2006	5.5	6.1	7.2	6.6	5.5	7.4	6.6	TB	Tốt	38.3	
31	Hoàng Thị Diệu Hồng	11A5	11/02/2006	5.1	6.7	6.9	5.6	5.5	7.2	6.3	TB	Tốt	37	
32	Nguyễn Hoàng Bảo Vy	11A5	01/07/2006	4.2	6.9	7.1	6.3	4.2	8.1	6.1	TB	Tốt	36.8	

Lộc Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
LỘC THÁI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
Trần Hồng Phước

DANH SÁCH LỚP 12A5 NĂM HỌC 2023-2024
LỚP KHXH - Khối D

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Văn	Sử	Địa	Anh	GDCD	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	T+V+A	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	11A2	17/07/2006	8.7	8.0	9.6	8.9	8.5	9.2	8.6	Giỏi	Tốt	25.2	Xin qua D - Cùng 1 lớp
2	Lưu Tuệ Mẫn	11A2	08/07/2006	7.7	7.9	8.6	8.8	8.3	9.0	8.3	Giỏi	Tốt	23.9	Xin qua D - Cùng 1 lớp
3	Nguyễn Thị Xuân Lan	11A3	14/06/2006	8.1	7.4	8.7	7.5	8.3	9.0	8.3	Giỏi	Tốt	23.8	Xin qua Khối D
4	Phan Thị Diệu Linh	11A3	26/04/2006	7.0	7.6	9.2	8.6	8.6	9.4	8.5	Giỏi	Tốt	23.2	Xin qua Khối D
5	Phan Thị Kiều Châu	11A3	26/10/2006	6.6	8.3	9.0	7.8	8.2	8.9	8.1	Giỏi	Tốt	23.1	Xin qua Khối D
6	Nguyễn Thị Phi Phượng	11A3	27/07/2006	7.7	7.3	8.6	8.0	8.1	8.8	8.1	Giỏi	Tốt	23.1	Xin qua Khối D
7	Ngô Thị Cẩm Tuyền	11A3	05/10/2006	7.2	7.2	9.1	8.2	8.4	9.1	8.3	Giỏi	Tốt	22.8	Xin qua Khối D
8	Lê Hà Diệu Linh	11A3	19/01/2006	7.5	7.4	8.3	7.6	7.7	9.4	8.1	Khá	Tốt	22.6	Xin qua Khối D
9	Dương Thanh Vân Anh	11A4	05/08/2006	5.7	8.1	8.0	7.7	8.2	8.5	7.8	Khá	Tốt	22.0	Xin qua Khối D
10	Ngô Như Thảo Vy	11A4	05/03/2006	6.5	7.5	8.4	7.9	7.8	8.0	7.7	Khá	Tốt	21.8	Xin qua Khối D
11	Nguyễn Thị Thúy Hương	11A2	18/03/2006	7.2	7.7	8.9	8.5	6.8	8.2	7.9	Khá	Tốt	21.7	Xin qua D
12	Lâm Nhật Huy	11A4	21/07/2006	5.5	7.8	8.0	5.8	8.3	8.0	7.3	Khá	Tốt	21.6	Xin qua Khối D
13	Nguyễn Thị Phương Uyên	11A4	28/09/2006	6.0	7.1	8.8	8.0	8.0	8.9	8.0	Khá	Tốt	21.1	Xin qua Khối D
14	Bùi Thị Mỹ Hạnh	11A4	12/08/2006	6.5	7.4	8.5	7.0	6.9	8.4	7.5	Khá	Tốt	20.8	Xin qua Khối D
15	Võ Xuân Hòa	11A2	29/08/2006	7.7	6.8	8.2	7.3	6.2	8.3	7.5	Khá	Tốt	20.7	Xin qua D - Cùng 1 lớp
16	Lê Thi Quỳnh Như	11A2	06/06/2006	7.2	6.3	8.2	8.2	7.1	8.6	7.6	Khá	Tốt	20.6	Xin qua D - Cùng 1 lớp
17	Nguyễn Trường Thiên	11A4	03/02/2006	6.1	7.4	8.4	7.1	6.5	7.7	7.5	Khá	Tốt	20.0	Xin qua Khối D
18	Nguyễn Đại Phú	11A1	12/07/2006	6.6	6.6	7.7	6.5	6.0	7.4	7.0	Khá	TB	19.2	Xét, KHXH
19	Trần Công Lợi	11A9	21/02/2006	6.5	6.1	8.8	8.3	6.4	8.1	7.1	Khá	Tốt	19.0	Xét, cho qua A5
20	Trần Thị Thanh Trúc	11A2	18/10/2006	6.7	5.9	7.5	8.0	6.2	8.6	7.2	Khá	Tốt	18.8	Xin qua D - Cùng 1 lớp
21	Trần Thị Hồng Tươi	11A2	23/03/2005	5.8	7.6	8.7	8.8	5.0	8.7	7.4	Khá	Khá	18.4	Xin qua Khối D
22	Phạm Anh Kiệt	11A2	30/03/2006	5.4	7.3	7.2	8.6	5.6	8.3	7.0	Khá	Tốt	18.3	Xin qua D - Cùng 1 lớp
23	Phan Thị Quỳnh Như	11A2	13/02/2006	5.7	6.0	6.4	6.7	6.5	7.2	6.8	Khá	Tốt	18.2	Xin qua D - Cùng 1 lớp
24	Mã Văn Thành	11A2	13/08/2006	6.4	6.0	6.4	7.0	5.8	7.3	6.7	TB	Tốt	18.2	Xin qua D - Cùng 1 lớp
25	Trần Ngọc Hân	11A2	28/09/2006	5.8	7.0	7.4	8.2	5.3	8.1	7.1	Khá	Tốt	18.1	Xin qua D
26	Đinh Trung Hiệp	11A2	09/01/2006	5.6	6.3	7.1	7.8	5.9	8.0	6.8	TB	Tốt	17.8	Xin qua D - Cùng 1 lớp
27	Phạm Nguyễn Tiến Sỹ	11A2	08/06/2006	5.5	6.7	7.9	8.2	5.6	8.1	7.0	Khá	Tốt	17.8	Xin qua D - Cùng 1 lớp
28	Ngô Quốc Bảo	11A2	27/11/2006	7.8	5.1	7.5	6.9	4.8	7.1	6.8	TB	Tốt	17.7	Xin qua D - Cùng 1 lớp
29	Nguyễn Hoài Duy	11A2	02/03/2006	7.3	4.9	6.9	6.3	5.4	7.4	6.5	TB	Tốt	17.6	Xin qua D - Cùng 1 lớp
30	Võ Thị Thủy Tiên	11A2	16/11/2006	5.5	6.0	6.6	7.0	5.6	7.0	6.6	TB	Tốt	17.1	Xin qua D - Cùng 1 lớp
31	Nguyễn Phạm Hùng	11A2	14/11/2006	5.9	6.3	7.0	6.2	4.8	7.6	6.5	TB	Khá	17.0	Xin qua D - Cùng 1 lớp
32	Hoàng Thị Thùy Linh	11A1	26/01/2006	5.7	5.4	6.8	7.3	5.9	7.4	6.8	TB	Tốt	17.0	Xin qua D
33	Lê Nguyễn Anh Thi	11A2	18/02/2006	4.5	6.4	5.9	6.7	5.9	7.3	6.6	TB	Tốt	16.8	Xin qua D - Cùng 1 lớp
34	Phạm Trung Hậu	11A2	28/02/2006	5.1	5.9	7.6	7.3	5.1	6.9	6.1	TB	Khá	16.1	Xin qua D - Cùng 1 lớp
35	Nguyễn Đình Mạnh	11A2	20/12/2006	5.0	6.3	8.5	6.9	4.6	7.1	6.7	TB	Tốt	15.9	Xin qua D - Cùng 1 lớp
36	Nguyễn Hoàng Thông	11A2	21/10/2005	4.5	6.3	7.9	7.8	4.8	7.7	6.4	TB	Tốt	15.6	Xét, KHXH
37	Lê Văn Trường	11A2	11/11/2006	4.0	5.9	5.6	7.0	5.3	6.5	6.2	TB	Khá	15.2	Xin qua D - Cùng 1 lớp
38	Trần Khánh Đăng	11A2	21/01/2006	4.4	5.1	5.4	6.6	5.5	6.6	6.0	TB	Khá	15.0	Xin qua D - Cùng 1 lớp

Lộc Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PHỔ THÔNG

LỘC THÁI

Trần Hồng Phúc

DANH SÁCH LỚP 12A6 NĂM HỌC 2023-2024

LỚP KHXH - Khối D

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Văn	Sử	Địa	Ng.ngữ	GDCD	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	T+V+A
1	Phạm Thị Thanh Phương	11A6	01/08/2006	8.0	8.7	8.8	7.2	7.7	8.4	8.0	Giỏi	Tốt	24.4
2	Phạm Trịnh Hoàng Linh	11A6	23/08/2006	7.2	7.2	9.7	8.1	8.8	9.1	8.1	Khá	Tốt	23.2
3	Phan Thị Bảo Như	11A6	21/12/2006	7.1	7.1	9.6	8.7	7.3	9.0	8.0	Khá	Tốt	21.5
4	Ngô Văn Trường Nghĩa	11A7	24/10/2006	6.9	7.2	9.1	6.8	7.4	8.7	7.2	Khá	Tốt	21.5
5	Lê Anh Tú	11A8	22/02/2005	7.0	6.5	8.4	8.6	7.3	8.8	7.5	<u>Khá</u>	Tốt	20.8
6	Mai Thị Thanh Thảo	11A7	04/02/2006	6.8	7.5	8.3	6.6	6.3	8.2	6.9	TB	Tốt	20.6
7	Mạc Hoàng Long	11A7	26/10/2006	6.0	6.4	8.5	5.9	7.5	7.5	6.8	Khá	Tốt	19.9
8	Diệp Trường Thành Nhân	11A7	11/10/2006	7.0	6.2	7.5	7.0	6.7	6.7	6.8	Khá	Tốt	19.9
9	Điền Lâm Minh Trí	11A7	26/06/2005	6.3	6.9	9.0	8.1	6.7	8.7	7.4	Khá	Tốt	19.9
10	Vương Nhật Thiên Nga	11A7	16/08/2006	5.9	6.2	9.0	6.4	7.7	8.7	7.0	Khá	Tốt	19.8
11	Trương Thị Thanh Thảo	11A6	09/06/2006	7.5	5.9	8.3	6.0	6.3	7.4	6.9	Khá	Tốt	19.7
12	Nguyễn Ngọc Mai Trân	11A6	05/12/2006	5.9	6.6	8.9	7.6	7.1	8.0	7.1	TB	Tốt	19.6
13	Hồ Thị Thảo Nhi	11A6	19/05/2006	6.7	6.9	8.2	6.6	5.9	8.1	7.1	Khá	Tốt	19.5
14	Phạm Trung Nam	11A7	29/12/2006	5.8	6.4	8.8	7.0	7.0	8.4	6.8	TB	Tốt	19.2
15	Nguyễn Hoàng Phương Dung	11A6	07/05/2006	5.5	6.6	9.0	7.1	6.6	8.3	7.0	Khá	Tốt	18.7
16	Nguyễn Cường Quốc Trọng	11A6	29/07/2006	5.1	6.9	7.4	6.1	6.7	6.9	6.7	Khá	Tốt	18.7
17	Lê Tuấn Anh	11A6	06/02/2006	8.4	5.0	7.6	6.2	5.1	7.5	6.8	Khá	Tốt	18.5
18	Thị Thu Hiền	11A7	23/07/2005	4.6	6.6	8.8	7.0	7.2	7.9	6.6	TB	Tốt	18.4
19	Trương Triệu Vy	11A6	02/12/2006	6.5	6.0	8.9	7.2	5.8	8.2	7.0	Khá	Tốt	18.3
20	Lâm Thị Liên	11A8	23/03/2006	5.0	6.8	8.9	7.3	6.5	8.8	6.9	TB	Tốt	18.3
21	Lâm Thị Chia Đa Lin	11A8	01/01/2006	5.1	5.6	7.7	8.2	7.5	8.8	6.7	TB	Tốt	18.2
22	Dương Nguyên Anh	11A7	20/04/2006	5.9	5.2	8.5	6.5	7.0	7.9	6.6	TB	Khá	18.1
23	Lâm Sơ Bin	11A7	02/02/2006	4.9	6.6	8.4	5.7	6.6	7.4	6.6	TB	Tốt	18.1
24	Trương Thị Bảo Trâm	11A7	15/12/2006	5.1	6.8	8.3	6.4	6.2	8.4	6.6	TB	Tốt	18.1
25	Lâm Thị Yến	11A6	24/06/2006	6.4	6.2	9.0	7.5	5.4	7.8	7.1	TB	Tốt	18.0
26	Thị Lương	11A7	03/06/2006	4.6	6.4	9.0	8.1	7.0	8.4	7.0	TB	Tốt	18.0
27	Lưu Thị Kiều Trinh	11A7	20/03/2006	4.4	7.3	7.2	6.3	6.3	8.5	6.5	TB	Tốt	18.0
28	Lâm Thị Tiên	11A6	02/06/2006	5.6	6.2	8.6	6.7	6.0	8.1	7.0	TB	Tốt	17.8
29	Lê Nhựt Tân	11A9	13/01/2006	6.5	6.4	8.4	7.2	4.9	7.5	6.2	TB	Tốt	17.8
30	Lê Bảo Trâm	11A5	20/01/2006	4.3	7.0	7.3	6.0	6.5	7.3	6.4	TB	Khá	17.8 - Xin D
31	Thị Sa Vi	11A7	12/11/2006	5.4	5.8	8.4	7.6	6.5	8.4	6.9	TB	Tốt	17.7
32	Trần Phạm Mai Anh	11A8	28/11/2006	6.7	5.1	7.0	6.2	5.8	6.8	6.3	TB	Tốt	17.6
33	Lê Thị Kiều My	11A6	11/10/2006	5.5	5.5	7.0	6.7	6.5	7.6	6.6	TB	Tốt	17.5
34	Hoàng Thị Thùy Linh	11A6	12/04/2006	6.2	5.9	6.8	6.6	5.3	7.5	6.5	TB	Tốt	17.4
35	Nguyễn Duy Quốc Đạt	11A6	12/06/2006	5.2	6.8	8.9	8.1	5.4	8.8	7.0	Khá	Tốt	17.4
36	Huỳnh Văn Tùng	11A9	04/12/2006	4.6	6.4	8.5	7.8	6.4	8.5	6.7	TB	Tốt	17.4
37	Trần Thị Kim Ngân	11A8	03/03/2006	5.1	5.9	6.3	5.8	6.3	7.0	6.0	TB	Khá	17.3
38	Quảng Công Thuật	11A8	24/06/2006	3.7	6.1	6.7	6.0	7.5	7.0	5.8	TB	TB	17.3

Lộc Thái, ngày 14 tháng 8 năm 2023

TRƯỜNG THPT LỘC THÁI

TRƯỞNG TRƯỞNG

PHỔ THÔNG

LỘC THÁI

Trần Hồng Phước

DANH SÁCH LỚP 12A7 NĂM HỌC 2023-2024
LỚP KHXH - Khối D

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Văn	Sử	Địa	Ng.ngữ	GDCD	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	T+V+A
1	Lâm Thị Đa Ni	11A8	22/06/2006	5.2	6.6	7.9	7.2	5.4	8.3	6.4	Trung bình	Tốt	17.2
2	Đặng Thị Hồng Gấm	11A9	06/03/2006	6.0	5.4	7.2	6.5	5.8	7.6	6.4	Trung bình	Tốt	17.2
3	Lê Thị Diệu Linh	11A6	23/10/2006	4.3	6.2	8.7	7.9	6.6	8.8	7.1	Trung bình	Tốt	17.1
4	Hoàng Thị Ngọc Diệu	11A6	14/09/2006	4.8	6.5	8.5	6.7	5.7	7.9	6.8	Trung bình	Tốt	17.0
5	Trần Tấn Tài	11A7	11/03/2006	5.3	5.6	7.2	5.8	6.1	8.0	6.2	Trung bình	Tốt	17.0
6	Lê Thanh Tâm	11A9	09/05/2006	5.2	4.5	6.8	5.5	7.3	6.5	6.0	Trung bình	Khá	17.0
7	Huỳnh Công Định	11A6	06/04/2006	5.4	6.4	7.5	6.3	5.0	6.4	6.2	Trung bình	Tốt	16.8
8	Lê Xuân Thành	11A6	18/12/2006	5.6	6.1	7.8	7.6	5.1	7.6	6.6	Trung bình	Tốt	16.8
9	Đào Thị Hòa	11A6	02/01/2006	4.8	5.8	6.8	6.6	6.1	7.3	6.4	Trung bình	Khá	16.7
10	Dương Triệu Thiên Hương	11A7	24/03/2006	5.2	5.2	7.9	5.3	6.3	7.0	6.2	Trung bình	Tốt	16.7
11	Võ Thị Kim Xuyên	11A6	07/12/2006	3.9	7.3	8.9	6.5	5.4	8.5	6.6	Trung bình	Tốt	16.6
12	Đỗ Thị Thanh Ngân	11A7	12/04/2006	5.7	5.7	6.8	5.8	5.1	7.2	6.1	Trung bình	Tốt	16.5
13	Trần Thị Phương Thảo	11A7	29/10/2006	5.3	4.6	8.5	6.1	6.6	7.6	6.2	Trung bình	Tốt	16.5
14	Lâm Anh Vũ	11A8	29/04/2006	5.9	5.3	7.3	8.2	5.3	7.5	6.6	Trung bình	Tốt	16.5
15	Văn Thị Phương Dung	11A6	08/09/2006	5.4	5.7	7.8	5.8	5.3	7.3	6.4	Trung bình	Tốt	16.4
16	Phan Thị Thanh Thảo	11A6	23/06/2006	4.7	6.6	7.4	6.2	5.1	7.2	6.4	Trung bình	Khá	16.4
17	Lê Ngọc Thảo Nguyên	11A7	19/03/2006	4.9	6.0	8.0	5.5	5.5	7.4	6.3	Trung bình	Tốt	16.4
18	Huỳnh Thị Mỹ Hiền	11A6	05/10/2006	3.8	6.6	9.0	7.9	5.9	8.1	6.9	Trung bình	Tốt	16.3
19	Lê Việt Tiến	11A7	17/06/2006	5.6	5.3	7.3	6.1	5.4	7.7	6.1	Trung bình	Tốt	16.3
20	Nguyễn Phúc Bình	11A8	21/05/2006	5.3	5.4	7.7	6.9	5.6	7.3	6.6	Trung bình	Tốt	16.3
21	Lâm Thế Bảo	11A6	13/07/2006	5.5	4.8	8.6	6.9	5.8	7.8	6.7	Trung bình	Tốt	16.1
22	Phạm Khắc Thành Lai	11A7	29/12/2006	5.8	4.7	7.7	5.8	5.6	6.8	6.1	Trung bình	Tốt	16.1
23	Trần Thị Anh Thư	11A8	28/09/2006	6.1	5.0	7.0	6.6	5.0	7.2	6.2	Trung bình	Tốt	16.1
24	Trương Minh Huyền	11A6	25/11/2006	5.3	6.2	6.5	6.7	4.5	6.7	5.9	Trung bình	Khá	16.0
25	Bùi Duy Quang	11A7	15/05/2006	4.7	4.7	6.2	6.1	6.6	5.9	5.6	Trung bình	Khá	16.0
26	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	11A7	01/01/2006	4.7	5.3	7.4	6.1	6.0	7.3	6.0	Trung bình	Tốt	16.0
27	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	11A6	13/10/2006	4.8	5.5	8.0	6.8	5.6	7.6	6.5	Trung bình	Tốt	15.9
28	Tô Thạch Tuyết My	11A7	19/06/2006	4.5	6.3	7.9	6.1	5.0	8.0	6.2	Trung bình	Tốt	15.8
29	Nguyễn Tấn Đạt	11A8	17/04/2006	6.4	4.2	5.5	4.6	5.2	5.9	5.5	Trung bình	Khá	15.8
30	Nguyễn Ngọc Mai Anh	11A6	01/01/2006	5.1	5.5	7.2	6.8	5.1	7.6	6.3	Trung bình	Tốt	15.7
31	Thị Quỳnh Như	11A6	12/04/2006	4.5	6.2	8.3	6.0	5.0	7.8	6.7	Trung bình	Khá	15.7
32	Thị Trà	11A8	14/06/2006	4.4	6.2	6.7	7.7	5.0	7.4	6.1	Trung bình	Tốt	15.6
33	Võ Thị Kiều Oanh	11A7	02/03/2006	4.9	4.8	7.2	5.8	5.9	7.3	6.2	Trung bình	Tốt	15.6
34	Đỗ Nguyễn Yến Vy	11A7	11/04/2006	5.3	5.2	6.5	6.6	5.1	6.9	6.0	Trung bình	Tốt	15.6
35	Lâm Thị Na	11A8	20/04/2006	5.5	5.3	7.9	7.2	4.7	7.1	6.0	Trung bình	Tốt	15.5
36	Ngô Văn Thành	11A8	24/02/2006	5.6	5.8	6.2	6.8	4.1	6.9	5.9	Trung bình	Khá	15.5
37	Nguyễn Ngọc Trân	11A7	14/09/2006	4.9	5.1	6.9	5.1	5.4	7.7	5.8	Trung bình	Tốt	15.4
38	Đặng Thị Ngọc Trúc	11A7	19/03/2006										



Lộc Thái, ngày 14 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Trần Hồng Phước

DANH SÁCH LỚP 12A8 NĂM HỌC 2023-2024
LỚP KHXH - Khối D

STT	Họ và tên	Lớp năm học 2022-2023	Ngày sinh	Toán	Văn	Sử	Địa	Ng.ngữ	GDCD	Điểm TK	Học lực	Hạnh kiểm	T+V+A
1	Hoàng Thị Trà Anh	11A8	29/12/2006	5.0	5.4	7.9	6.7	5.0	8.4	6.7	Trung bình	Tốt	15.4
2	Ngô Thị Vân Kiều	11A6	29/11/2006	4.6	5.8	7.2	5.7	4.8	7.0	5.9	Trung bình	Khá	15.2
3	Đặng Minh Hiếu	11A7	04/06/2006	4.7	5.5	6.9	5.6	5.0	6.8	5.8	Trung bình	Tốt	15.2
4	Đặng Tuấn Huy	11A7	30/08/2006	4.2	5.8	7.1	6.0	5.1	6.9	5.9	Trung bình	Tốt	15.1
5	Đinh Thị Quỳnh Ngân	11A7	30/10/2006	4.7	5.1	7.3	5.0	5.2	7.1	5.7	Trung bình	Tốt	15.0
6	Nguyễn Quang Quyền	11A9	07/07/2006	6.0	4.8	6.0	6.0	4.2	7.0	5.9	Trung bình	Tốt	15.0
7	Phạm Xuân Nguyên Tấn	11A9	25/09/2006	5.6	4.4	7.0	5.8	4.8	6.7	5.7	Trung bình	Khá	14.8
8	Phan Thị Quế Trâm	11A6	10/06/2006	3.5	6.2	8.1	6.9	5.1	8.0	6.2	Trung bình	Tốt	14.8
9	Mai Thanh Ngân	11A7	13/12/2006	4.2	5.5	7.5	6.0	5.1	7.4	6.0	Trung bình	Tốt	14.8
10	Thị Ngân	11A8	12/08/2005	3.8	5.6	8.6	7.9	5.4	8.7	6.5	Trung bình	Tốt	14.8
11	Ngô Hoàng Quốc Việt	11A8	02/06/2006	3.7	7.0	9.2	7.6	4.1	7.4	6.0	Trung bình	Tốt	14.8
12	Lâm Chen Ly Tha	11A8	06/02/2006	4.2	5.9	8.3	8.0	4.6	7.7	6.3	Trung bình	Tốt	14.7
13	Ngô Thị Kim Anh	11A7	19/01/2006	4.5	5.2	7.0	5.2	5.0	7.2	5.8	Trung bình	Tốt	14.7
14	Nguyễn Công Gia Kiệt	11A8	01/06/2006	5.6	5.1	5.3	5.4	3.9	6.6	5.4	Trung bình	Khá	14.6
15	Phạm Trương Thùy Dương	11A9	31/10/2006	3.8	5.5	7.8	6.6	5.2	8.7	5.9	Trung bình	Tốt	14.5
16	Ngô Thị Mến	11A8	19/01/2006	4.4	5.0	7.0	6.3	5.0	7.7	5.9	Trung bình	Tốt	14.4
17	Trần Phúc Thịnh	11A8	19/11/2005	5.8	4.5	7.9	6.1	4.1	7.0	6.0	Trung bình	Khá	14.4
18	Mai Thị Thùy Nhung	11A7	16/08/2006	4.1	4.9	6.7	5.4	5.3	7.4	5.7	Trung bình	Khá	14.3
19	Đỗ Chí Đạt	11A9	12/08/2005	5.4	4.4	6.0	6.0	4.4	6.9	5.6	Trung bình	Tốt	14.2
20	Nguyễn Thị Huyền Trang	11A8	01/03/2006	3.6	5.6	7.7	6.9	5.0	7.3	6.0	Trung bình	Khá	14.2
21	Nguyễn Minh Sang	11A8	08/12/2006	4.4	5.5	8.0	6.1	4.2	6.8	5.9	Trung bình	Khá	14.1
22	Lê Văn Pháp	11A6	15/05/2006	4.1	5.0	7.6	5.8	5.0	7.4	5.9	Trung bình	Tốt	14.1
23	Lê Nguyễn Bảo Hân	11A8	06/11/2006	4.3	5.6	7.2	6.9	4.0	6.9	5.9	Trung bình	Khá	13.9
24	Nguyễn Thị Kim Tuyền	11A8	01/12/2006	5.1	4.8	7.2	6.0	4.0	6.8	5.9	Trung bình	Khá	13.9
25	Lê Quốc Tuấn	11A9	04/02/2006	5.0	3.8	7.3	6.6	5.0	6.8	6.1	Trung bình	Tốt	13.8
26	Mai Thị Kim Ngân	11A7	30/06/2006	4.0	4.7	7.3	5.3	5.0	6.9	5.7	Trung bình	Tốt	13.7
27	Lê Thị Thu Kiều	11A8	29/05/2006	5.0	5.2	6.6	5.6	3.5	6.5	5.6	Trung bình	Khá	13.7
28	Lê Thị Quỳnh Như	11A8	20/09/2006	4.2	5.5	7.0	5.9	4.0	7.7	6.0	Trung bình	Khá	13.7
29	Mai Xuân Hậu	11A9	26/12/2006	4.0	5.0	5.7	6.9	4.7	7.8	5.7	Trung bình	Khá	13.7
30	Mã Thị Mỹ Hạnh	11A9	02/04/2006	4.7	5.1	6.6	6.5	3.8	7.0	5.6	Trung bình	Khá	13.6
31	Điền Thành Tài	11A8	04/02/2006	4.8	5.3	5.9	6.6	3.5	7.6	5.7	Trung bình	Khá	13.6
32	Phạm Văn Thành	11A8	25/03/2006	5.1	5.0	5.9	6.2	3.5	7.3	5.7	Trung bình	Tốt	13.6
33	Nguyễn Công Thâm	11A8	21/03/2005	5.0	4.5	7.8	6.9	4.1	7.1	6.1	Trung bình	Khá	13.6
34	Doãn Văn Kiệt	11A9	13/05/2006	3.9	5.0	8.1	7.7	4.5	7.4	6.2	Trung bình	Khá	13.4
35	Lê Thị Thanh Nhân	11A9	09/08/2005	4.7	5.2	5.9	6.7	3.5	7.3	5.8	Trung bình	Khá	13.4
36	Thiều Hữu Tuấn Anh	11A9	28/05/2006	4.2	5.5	5.5	6.0	3.6	6.6	5.1	Trung bình	Khá	13.3
37	Phạm Khắc Thành Long	11A8	20/08/2006	5.6	4.1	6.3	5.1	3.5	5.6	5.2	Trung bình	Khá	13.2
38	Vũ Tuấn Anh	11A8	05/03/2006	3.9	5.1	7.9	6.5	3.9	7.5	6.1	Trung bình	Khá	12.9



Độc Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
LỘC THÁI

Trần Hồng Phước